

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và
các công ty con**

Báo cáo tài chính Quý cho năm tài
chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2010



Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Thông tin Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số

4103002877

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 26 tháng 12 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Nguyễn Đăng Quang
Hồ Hùng Anh
Nguyễn Hoàng Yến
Nguyễn Thiều Nam
Madhur Maini
Lars Kjaer

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã Số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		4.648.938	2.441.831	1.633.280	671.630
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	3.394.574	1.123.616	1.037.261	364.265
Tiền	111		1.155.117	523.616	1.037.261	364.265
Các khoản tương đương tiền	112		2.239.457	600.000	-	-
Đầu tư ngắn hạn	120	11	490.000	776.000	-	296.000
Các khoản phải thu	130	4	328.757	282.936	589.584	9.105
Phải thu thương mại	131		79.195	56.830	-	-
Trả trước cho người bán	132		90.121	68.714	4.692	-
Phải thu nội bộ	133	4	102.965	517	583.831	30
Phải thu khác	135		66.758	158.767	1.061	9.075
Dự phòng cho các khoản nợ khó đòi	139		(10.282)	(1.892)	-	-
Hàng tồn kho	140	5	289.342	199.466	-	-
Hàng tồn kho	141		295.689	237.288	-	-
Dự phòng hàng tồn kho	149		(6.347)	(37.822)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		146.265	59.813	6.435	2.260
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.131	3.950	262	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		119.137	47.678	5.877	2.257
Thuế và các khoản phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước	154	6	-	6.550	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		16.997	1.635	296	3

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã Số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Tài sản dài hạn	200		16.272.988	4.575.263	18.139.875	6.430.811
Tài sản cố định	220		8.060.734	605.360	2.039	-
Tài sản cố định hữu hình	221	7	5.358.432	465.483	251	-
<i>Nguyên giá</i>	222		5.580.882	597.478	269	-
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(222.450)	(131.995)	(18)	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	8	11.420	14.096	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		16.871	16.871	-	-
<i>Khấu hao lũy kế</i>	226		(5.451)	(2.775)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	9	72.559	72.865	219	-
<i>Nguyên giá</i>	228		87.618	82.688	234	-
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(15.059)	(9.823)	(15)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.618.323	52.916	1.569	-
Bất động sản đầu tư	240		568	-	-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		763	-	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(195)	-	-	-
Các khoản đầu tư dài hạn	250	11	8.095.302	3.919.827	18.128.862	6.430.811
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	10.027.529	2.346.315
Đầu tư vào công ty liên kết	252		8.095.302	3.919.827	8.101.333	4.084.496
Tài sản dài hạn khác	260		116.384	50.076	8.974	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	70.771	11.885	8.730	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		33.372	25.420	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		8.669	8.603	244	-
Lợi thế thương mại	269	13	3.572	4.168	-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		20.921.926	7.017.094	19.773.155	7.102.441

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã Số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		8.267.656	1.946.377	3.141.367	650.579
Nợ ngắn hạn	310		3.241.119	1.209.759	1.183.407	20.579
Vay và nợ ngắn hạn	311		874.824	687.260	-	-
Phải trả thương mại	312		441.357	267.168	-	4.525
Người mua trả tiền trước	313		10.768	11.267	-	-
Thuế phải nộp Ngân sách						
Nhà nước	314	14	152.656	77.417	1.360	85
Phải trả nhân viên	315		5.395	148	27	-
Chi phí phải trả	316	15	570.741	163.590	202.017	15.969
Phải trả nội bộ	317	16	204.103	131	-	-
Phải trả khác	319	17	982.419	3.956	980.003	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	320		(1.144)	(1.178)	-	-
Vay và nợ dài hạn	330		5.026.537	736.618	1.957.960	630.000
Vay và nợ dài hạn	334		5.015.751	734.723	1.957.960	630.000
Thuế hoãn lại phải nộp	336	18	6.790	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc			3.996	1.895	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.019.149	4.763.266	16.631.788	6.451.862
Vốn chủ sở hữu	410		11.019.149	4.763.266	16.631.788	6.451.862
Vốn cổ phần	411	19	5.152.723	4.853.998	5.152.723	4.853.998
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	2.166.136	1.421.817	2.166.136	1.421.817
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(34.146)	-	-	-
Các quỹ khác	418		668.328	(1.947.256)	9.121.245	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	28	3.066.108	434.707	191.684	176.047
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỆU SỐ	439		1.635.121	307.451		
TỔNG NGUỒN VỐN	440		20.921.926	7.017.094	19.773.155	7.102.441

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	<u>Tập đoàn</u>					
	<u>Quý 4.2010</u>		<u>Lũy kế đến 31.12.2010</u>			
	Hợp nhất Từ 1/10/2010 đến 31/12/2010 Triệu VND	Hợp nhất Từ 1/10/2009 đến 31/12/2009 Triệu VND	Hợp nhất Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010 Triệu VND	Hợp nhất Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 Triệu VND		
Tổng doanh thu	01	20	2.150.839	5.689.577	4.078.147	5.689.577
Các khoản (giảm trừ)/ thu hồi	02	20	(50.404)	(124.119)	(50.404)	(104.971)
Doanh thu thuần	10	20	2.100.435	1.331.402	2.100.435	3.957.814
Giá gốc hàng bán	11		(1.166.754)	(857.550)	(1.166.754)	(3.187.489)
Lợi nhuận gộp	20		933.681	473.852	933.681	2.397.117
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.772.924	91.032	158.193	1.999.621
Chi phí hoạt động tài chính	22	22	(85.964)	(51.652)	(85.964)	(248.898)
Chi phí bán hàng	24		(352.969)	(206.441)	(352.969)	(951.785)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(126.499)	(22.477)	(126.499)	(223.213)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.141.173	284.314	526.442	2.972.842
Kết quả của các hoạt động khác	40		1.426	(5.574)	1.426	(4.146)
Thu nhập khác	31	23	11.922	10.366	11.922	20.866
Chi phí khác	32	24	(10.496)	(15.940)	(10.496)	(22.778)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	41	25	139.854	38.389	430.267	158.639
Lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)	50		2.282.453	317.129	958.135	3.135.293
					732.926	2.001.440

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Quý 4.2010</u>		<u>Lũy kế đến 31.12.2010</u>	
	Hợp nhất		Hợp nhất		Hợp nhất	
	Từ 1/10/2010 đến 31/12/2010 Triệu VND	Từ 1/10/2009 đến 31/12/2009 Triệu VND	Từ 1/10/2010 đến 31/12/2010 Triệu VND	Từ 1/10/2009 đến 31/12/2009 Triệu VND	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 Triệu VND	Hợp nhất giả định 1/1/2010 đến 31/12/2010 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế (mang sang từ trang trước)	2.282.453	317.129	958.135	3.135.293	732.926	2.001.440
Chi phí thuế thu nhập – hiện hành	(73.559)	(32.861)	(73.559)	(139.224)	(73.130)	(139.224)
Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại	18.161	14.187	18.161	(251)	19.722	(251)
Lợi nhuận thuần	2.227.055	298.455	902.737	2.995.818	679.518	1.861.965
Phân bổ cho:						
Lợi ích cổ đông thiểu số	165.290	74.523	165.290	361.011	262.944	361.011
Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	2.061.765	223.932	737.447	2.634.807	416.574	1.500.954
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	4.192	1.439	1.500	5.358	2.677	3.052

Người lập:

Lahol

Người duyệt:



Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Công Ty

	<u>Quý 4.2010</u>		<u>Lũy kế đến 31.12.2010</u>	
	<u>Từ 1/10/2010</u>	<u>Từ 1/10/2009</u>	<u>Từ 1/1/2010</u>	<u>Từ 1/1/2009</u>
	<u>đến</u>	<u>đến</u>	<u>đến</u>	<u>đến</u>
Mã	Thuyết	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
số	minh	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu	01	-	-	-
Các khoản giảm trừ	02	-	-	-
Doanh thu thuần	10	-	-	-
Giá gốc hàng bán	11	-	-	-
Lợi nhuận gộp	20	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	99.526	14.229	233.044
Chi phí hoạt động tài chính	22	(49.831)	(32.115)	(140.712)
Chi phí bán hàng	24	-	-	(43.740)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(63.496)	(525)	(76.695)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(13.801)	18.411	15.637
Kết quả của các hoạt động khác	40	-	4.279	4.447
Thu nhập khác	31	-	(25)	-
Chi phí khác	32	-	-	-
Lợi nhuận từ công ty liên kết	41	-	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	<u>Quý 4.2010</u>		<u>Lũy kế đến 31.12.2010</u>	
	<u>Từ 1/10/2010</u> <u>đến</u> <u>31/12/2010</u> Mã số	<u>Từ 1/10/2009</u> <u>đến</u> <u>31/12/2009</u> Triệu VND	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến</u> <u>31/12/2010</u> Triệu VND	<u>Từ 1/1/2009</u> <u>đến</u> <u>31/12/2009</u> Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)	50 (13.801)	14.107	15.637	175.547
Lợi nhuận trước thuế (mang sang từ trang trước)	50 (13.801)	14.107	15.637	175.547
Chi phí thuế thu nhập – hiện hành	51 -	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại	52 -	-	-	-
Lợi nhuận thuần	60 (13.801)	14.107	15.637	175.547

Người lập:

Lahat

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã Số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty		
		Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009	Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009	
		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
	Lợi nhuận trước thuế	01	3.135.293	732.926	15.637	175.547
	Điều chỉnh cho					
	Khấu hao và phân bổ	02	103.858	71.346	1.038	-
	Các khoản dự phòng	03	(31.475)	39.529	-	-
	Lãi/(lỗ) từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	04	2.430	523	-	-
	Thu nhập tiền lãi	05	(241.307)	(147.025)	(134.407)	(14.251)
	Chi phí lãi vay	06	234.296	88.976	140.712	43.740
	Lợi nhuận từ công ty liên kết	07	(158.639)	(48.010)	-	(212.680)
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		3.313	-	1.837	30
	Lợi thế thương mại		(1.614.731)	-	-	-
	Lợi nhuận/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.433.038	738.265	24.817	7.774
	Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(848.561)	32.870	(576.855)	29.710
	Biến động hàng tồn kho	10	(58.401)	(54.221)	-	-
	Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	1.183.915	237.547	74.909	6.924
			1.709.991	954.461	(477.129)	28.960
	Lãi vay đã trả	13	(105.711)	(74.777)	(12.793)	(30.090)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14	(92.936)	(70.260)	-	-
	Các khoản phải trả khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.960)	(5.452)	-	-
	Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20	1.504.384	803.972	(489.922)	(1.129)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mã Số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009	Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.021.611)	(411.673)	(11.807)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	8.793	229	-	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	23	643.000	255.000	-	-
Tiền chi trả các khoản vay và nợ và khác	23	(490.000)	(1.829)	-	-
Tiền chi vào tiền gửi có kỳ hạn	24	-	(726.000)	-	(296.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay và tạm ứng	24	296.000	-	296.000	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	250.368	68.403	123.567	5.177
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.617.049)	(331.000)	(1.617.049)	225.000
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	26	-	14.282	-	-
Tiền thuần (chi cho)/ thu từ hoạt động đầu tư	30	(1.930.499)	(1.132.588)	(1.209.289)	(515.823)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mã Số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009	Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	1.083.044	1.163.425	1.043.044	1.151
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông	31	-	1.000	-	-
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33	2.187.921	2.493.524	1.344.850	630.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(558.205)	(2.303.186)	-	(900.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(10)	-	-
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40	2.712.760	1.354.753	2.387.894	880.683
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.286.645	1.026.137	688.683	363.731
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.123.616	97.479	364.265	504
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hoái đoái đối với tiền	61	(15.687)	-	(15.687)	30
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3.394.574	1.123.616	1.037.261	364.265

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính quý đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là chủ quản đầu tư.

Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm của Công ty và các công ty con (dưới đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả dưới đây bao gồm:

Tên	Hoạt động chính	Phần trăm sở hữu tại	
		31/12/2010	31/12/2009
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Chủ quản đầu tư	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Chủ quản đầu tư	100%	100%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	Kinh doanh và phân phối	86,6%	72,8%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	86,6%	72,8%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	86,6%	72,8%
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	86,6%	72,8%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hoa Sen	Sản xuất thực phẩm	(*)	72,8%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	81,8%	68,8%
Công ty Cổ phần Ma San HD	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	86,6%	72,8%
Công ty Cổ phần Tâm nhìn Ma San	Chủ quản đầu tư	100%	0%
Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan	Chủ quản đầu tư	80%	0%
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan Thái Nguyên	Chủ quản đầu tư	80%	0%
Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo	Khoáng sản	80%	0%

(*) Trong kỳ. Công ty Cổ phần Thực phẩm Hoa Sen đã được sát nhập vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và đã ngừng hoạt động.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Phần trăm sở hữu phản ánh phần trăm sở hữu thực tế của các cổ đông đồng kiểm soát trực tiếp và gián tiếp tại các công ty con.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2009, Công ty đã tiến hành việc tái cấu trúc và trở thành công ty mẹ sở hữu 54.8% cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thực phẩm Ma San (“Ma San Food”), trước đó là công ty con ngang cấp. Ma San Food trực tiếp sở hữu quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, Công ty Cổ phần Ma San PQ, Công ty Cổ phần Ma San HD, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San. Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San trực tiếp sở hữu quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hoa Sen. Do ảnh hưởng của những giao dịch trên, công ty mẹ, Công ty Cổ phần Ma San, đã chuyển nhượng 54.8% lợi ích kinh tế của Ma San Food cho Công ty để đổi lấy 125.877.284 cổ phiếu mới do Công ty phát hành cho công ty mẹ.

Sau khi mua lại vốn chủ sở hữu của các công ty này, Công ty trở thành công ty mẹ của các công ty trong Tập đoàn. Do các công ty tham gia vào giao dịch hợp nhất kinh doanh nêu trên đều chịu sự kiểm soát chung của cùng một nhóm cổ đông (“Các cổ đông kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, việc hợp nhất này thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung bởi vì các cổ đông kiểm soát vẫn tiếp tục nắm các rủi ro và lợi ích. Việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này không nằm trong phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất Kinh doanh* và trong việc lựa chọn chính sách kế toán đối với giao dịch này, Tập đoàn đã xem xét nội dung của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã lập các báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”) với giả định luôn luôn có sự tồn tại của Tập đoàn. Tài sản và công nợ của các công ty được hợp nhất sử dụng giá trị ghi sổ hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của các cổ đông kiểm soát. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị thuần của tài sản được mua được hạch toán như là sự phân chia hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được hạch toán trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Khoản tăng vốn chủ sở hữu giả định được hạch toán vào các quỹ khác để phản ánh việc mua lại các công ty con theo phương pháp kế toán sáp nhập như thể Tập đoàn đã luôn tồn tại.

Sau đó, Công ty đã mua thêm lợi ích kinh tế tại Ma San Food và tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm giữ 72.8% lợi ích kinh tế tại Ma San Food. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã nắm giữ 86.6% lợi ích kinh tế trong Masan Food.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Lợi ích cổ đông thiểu số

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần thu được hoặc thanh lý tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán số 10 (“VAS 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; và khoản đầu tư vào chứng khoán vốn của các công ty mà Tập đoàn và Công ty không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể, và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng thì được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng. Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

(iii) Nhãn hiệu

Giá mua của nhãn hiệu được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(k) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(ii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh từ bên thứ ba. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí tăng liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán hoặc được phát hành lại, khoản thu được ghi nhận như một khoản tăng vào vốn chủ sở hữu, và thặng dư hoặc thâm hụt trên các giao dịch được chuyển đến/từ thặng dư vốn.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

(s) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Tiền mặt	1.447	1.203	59	189
Tiền gửi ngân hàng	1.153.670	522.236	1.037.202	364.076
Tiền đang chuyển	-	177	-	-
Các khoản tương đương tiền	2.239.457	600.000	-	-
	<u>3.394.574</u>	<u>1.123.616</u>	<u>1.037.261</u>	<u>364.265</u>

Bao gồm trong tiền của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số tiền bằng các đơn vị tiền khác VNĐ lần lượt tương đương 532.094 triệu VNĐ (31/12/2009: 7.666 triệu VNĐ) và 527.494 triệu VNĐ (31/12/2009: 7.198 triệu VNĐ)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2010 (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San - công ty mẹ				
Phi thương mại	102.965	517	102.965	30
Phải thu từ Công ty con	-	-	480.866	-
	<u>102.965</u>	<u>517</u>	<u>583.831</u>	<u>30</u>

Khoản phi thương mại phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi suất và được trả theo yêu cầu.

5. Hàng tồn kho

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Hàng mua đang đi đường	51.942	15.681	-	-
Nguyên vật liệu	131.097	145.202	-	-
Công cụ và dụng cụ	392	496	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.419	48.365	-	-
Thành phẩm	50.163	27.544	-	-
Hàng hóa	35.676	-	-	-
	<u>295.689</u>	<u>237.288</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.347)	(37.822)	-	-
	<u>289.342</u>	<u>199.466</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2010 (tiếp theo)

6. Thuế và các khoản phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Thuế xuất nhập khẩu có thể được hoàn lại từ Ngân sách Nhà nước	-	6.546	-	-
Phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước	-	4	-	-
	-	6.550	-	-

7. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	<u>Nhà cửa và cấu trúc</u> Triệu VNĐ	<u>Nâng cấp tài sản thuê</u> Triệu VNĐ	<u>Thiết bị văn phòng</u> Triệu VNĐ	<u>Máy móc và thiết bị</u> Triệu VNĐ	<u>Phương tiện vận chuyển</u> Triệu VNĐ	<u>Quặng khoáng sản</u> Triệu VNĐ	<u>Tổng</u> Triệu VNĐ
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	124.455	1.175	16.317	439.340	16.191	-	597.478
Tăng trong kỳ	4.306	-	7.941	68.671	6.056	4.797.500	4.884.474
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	54.972	6.399	599	53.674	-	-	115.644
Thanh lý	(1.933)	(926)	(576)	(12.217)	(1.062)	-	(16.714)
Số dư cuối kỳ	181.800	6.648	24.281	549.468	21.185	4.797.500	5.580.882
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	14.824	675	4.632	103.460	8.404	-	131.995
Khấu hao trong kỳ	8.893	2.239	8.258	70.527	6.029	-	95.946
Thanh lý	(356)	(746)	(153)	(3.997)	(239)	-	(5.491)
Số dư cuối kỳ	23.361	2.168	12.737	169.990	14.194	-	222.450
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	109.631	500	11.685	335.880	7.787	-	465.483
Số dư cuối kỳ	158.439	4.480	11.544	379.478	6.991	4.797.500	5.358.432

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2010 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn

	Máy móc và thiết bị Triệu VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/Số dư cuối kỳ	16.871
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.775
Khấu hao trong kỳ	2.676
Số dư cuối kỳ	5.451
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	14.096
Số dư cuối kỳ	11.420

Các thiết bị sản xuất này được thuê bởi Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho Thuê Tài chính Vietcombank, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Vào cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê. Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San có quyền lựa chọn mua lại các thiết bị này theo giá ưu đãi. Thiết bị thuê này được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2010 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Phần mềm vi tính Triệu VNĐ	Nhãn hiệu Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	77.611	4.531	546	82.688
Tăng trong kỳ	2.481	2.249	200	4.930
Số dư cuối kỳ	80.092	6.780	746	87.618
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	8.349	1.338	136	9.823
Khấu hao trong kỳ	3.696	1.358	182	5.236
Số dư cuối kỳ	12.045	2.696	318	15.059
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	69.262	3.193	410	72.865
Số dư cuối kỳ	68.047	4.084	428	72.559

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2010</u> Triệu VNĐ	<u>31/12/2009</u> Triệu VNĐ	<u>31/12/2010</u> Triệu VNĐ	<u>31/12/2009</u> Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	52.916	55	-	-
Tăng trong kỳ	2.681.051	96.393	1.569	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(115.644)	(43.273)	-	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(259)	-	-
Số dư cuối kỳ	2.618.323	52.916	1.569	-

11. Các khoản đầu tư

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2010</u> Triệu VNĐ	<u>31/12/2009</u> Triệu VNĐ	<u>31/12/2010</u> Triệu VNĐ	<u>31/12/2009</u> Triệu VNĐ
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào công ty con	-	-	10.027.529	2.346.315
Đầu tư vào công ty liên kết	8.095.302	3.919.827	8.101.333	4.084.496
	8.095.302	3.919.827	18.128.862	6.430.811
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng Cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, một cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San vay ngắn hạn	490.000	726.000	-	296.000
	-	50.000	-	-
	490.000	776.000	-	296.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Trong năm Công ty đã tăng thêm 16% lợi ích kinh tế trong Masan Food. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Công ty đã nắm giữ 86.6% lợi ích kinh tế trong Masan Food.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư vào 29% lợi ích kinh tế của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”). Các cổ phiếu này được mua bằng cách phát hành cổ phiếu mới và các công cụ nợ.

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn đáo hạn hơn 3 tháng kể từ ngày giao dịch. Tiền gửi có kỳ hạn có gốc bằng VNĐ và hưởng lãi suất năm từ 8.5% đến 13.6% (2009: 8.5% đến 9.8%).

Khoản vay ngắn hạn trong kỳ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không có đảm bảo. chịu lãi suất năm là 15% và được hoàn trả theo yêu cầu theo hợp đồng vay được ký lại.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí đất trả trước, chi phí trực in, công cụ dụng cụ chưa đủ điều kiện thành tài sản cố định và được phân bổ theo qui định về thời gian của tài sản đó.

13. Lợi thế thương mại

	Triệu VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/Số dư cuối kỳ	5.954
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.786
Khấu hao trong kỳ	596
Số dư cuối kỳ	2.382
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	4.168
Số dư cuối kỳ	3.572

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2010 (tiếp theo)

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	104.132	56.359	5	5
Thuế giá trị gia tăng	25.194	19.834	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	1.292	739	-	-
Các loại thuế khác	22.038	485	1.355	80
	152.656	77.417	1.360	85

15. Chi phí trích trước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí vận chuyển	25.516	16.914	-	-
Thưởng và lương tháng 13	18.163	4.196	-	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	147.312	78.463	-	-
Chiết khấu hàng bán	99.523	31.432	-	-
Lãi vay phải trả trích trước	156.373	13.650	156.373	13.650
Thuế nhà thầu trích trước	-	1.437	-	1.437
Chi phí khác	123.854	17.498	45.644	882
	570.741	163.590	202.017	15.969

16. Phải trả các công ty liên quan

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại	204.103	102	-	-
Phải trả các công ty liên quan khác				
Thương mại	-	29	-	-
	204.103	131	-	-

Các khoản nợ thương mại phải trả các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Các khoản nợ phi thương mại phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu, chịu lãi suất năm là 15%.

17. Phải trả khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	807	1.723	-	-
Cổ tức phải trả	980.003	840	980.003	-
Phải trả khác	1.609	1.393	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	982.419	3.956	980.003	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	<u>Công ty</u>
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Số dư đầu kỳ	1.895	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	2.101	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.996	-
	<hr/>	<hr/>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2010 (tiếp theo)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	515.272.269	5.152.723	485.399.820	4.853.998
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	515.272.269	5.152.723	485.399.820	4.853.998
Thặng dư vốn cổ phần	-	2.166.136	-	1.421.817

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010		Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	485.399.820	4.853.998	320.000	32.000
Ảnh hưởng của việc chia cổ phiếu	-	-	2.880.000	-
Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu tại Techcombank	-	-	249.979.671	2.499.797
Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	-	-	181.880.248	1.818.802
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền mặt	29.872.449	298.725	50.339.901	503.399
	515.272.269	5.152.723	485.399.820	4.853.998

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

20. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến 31/12/2010</u>	<u>Từ 1/1/2009</u> <u>đến 31/12/2009</u>	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến 31/12/2010</u>	<u>Từ 1/1/2009</u> <u>đến 31/12/2009</u>
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	5.673.681	4.070.481	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	15.896	7.666	-	-
Các khoản (giảm trừ)/ thu hồi				
▪ Chiết khấu hàng bán	(104.971)	(119.391)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(929)	-	-
▪ Giảm giá hàng bán	-	(13)	-	-
	5.584.606	3.957.814	-	-

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến 31/12/2010</u>	<u>Từ 1/1/2009</u> <u>đến 31/12/2009</u>	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến 31/12/2010</u>	<u>Từ 1/1/2009</u> <u>đến 31/12/2009</u>
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lãi từ tiền gửi và cho vay	241.775	93.571	134.875	14.251
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.313	2.846	1.837	30
Lợi thế thương mại	1.614.731	-	-	-
Doanh thu tài chính khác	139.802	63.875	96.332	212.680
	1.999.621	160.292	233.044	226.961

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2010 (tiếp theo)

22. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 Triệu VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả	234.296	88.976	140.712	43.740
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	14.561	14.154	-	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	41	-	-	-
	248.898	103.130	140.712	43.740

23. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 Triệu VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	5.252	229	-	-
Thu từ bán phế liệu	-	11.838	-	-
Thu khác	15.614	6.565	-	4.447
	20.866	18.632	-	4.447

24. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 Triệu VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	7.682	84	-	-
Giá vốn của phế liệu đã thanh lý	9.372	9.876	-	-
Chi phí khác	-	12.818	-	-
	17.054	22.778	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

25. Lợi nhuận từ công ty liên kết

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến</u> <u>31/12/2010</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2009</u> <u>đến 31/12/2009</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến 31/12/2010</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2009</u> <u>đến 31/12/2009</u> <u>Triệu VND</u>
Lợi nhuận từ công ty liên kết	412.592	132.661	-	-
Khấu hao lợi thế thương mại	(253.953)	(84.651)	-	-
	<u>158.639</u>	<u>48.010</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

26. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của tập đoàn giai đoạn 12 tháng 2010 là 139.224 triệu VND.

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn trên báo cáo hợp nhất là 2.634.806 triệu VND (2009: 416.574 triệu VND), và số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là cũng là số cổ phiếu cơ bản của tập đoàn 491.783.521 (tháng 12 năm 2009: 155.608.815 cổ phiếu).

28. Lợi nhuận chưa phân phối

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận phân phối trong năm cho cổ đông vốn chủ sở hữu công ty là 2,634,807 triệu VND và sự biến động của quỹ khen thưởng phúc lợi là 3,406 triệu VND.

Người lập:



Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch